



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Biểu số 64/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2017

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách huyện		Ngân sách Thành phố	Ngân sách huyện	Ngân sách địa phương	Ngân sách Thành phố	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP (không kể chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách địa phương)	70.646.900	52.358.184	18.288.716	87.385.924	64.437.750	22.948.174	123,69%	123,07%	125,48%
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	63.269.568	44.980.852	18.288.716	82.408.879	59.481.772	22.927.107	130,25%	132,24%	125,36%
I	Chi đầu tư phát triển	25.146.543	25.146.543	-	22.206.575	19.477.347	2.729.228	88,31%	77,46%	
1	Chi đầu tư cho các dự án				21.785.301	19.142.387	2.642.914			
	Trong đó chia theo lĩnh vực:									
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				3.204.318	2.743.796	460.522			
-	Chi khoa học và công nghệ				229.792	229.792	-			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:									
	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	2.832.000	2.832.000	-	2.067.884	1.971.639	96.245	73,02%	69,62%	
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-	421.274	334.960	86.314			
II	Chi thường xuyên	34.200.000	16.443.964	17.756.036	33.679.589	15.554.595	18.124.994	98,48%	94,59%	102,08%
	Trong đó:									
1	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	10.551.467	2.538.274	8.013.193	10.062.954	2.228.508	7.834.446	95,37%	87,80%	97,77%
2	Chi Khoa học và công nghệ	606.508	606.508	-	511.742	511.742	-	84,38%	84,38%	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.511.625	1.511.625	-	1.131.932	1.131.932	-	74,88%	74,88%	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400	11.400	-	11.400	11.400	-	100,00%	100,00%	
V	Dự phòng ngân sách	2.400.000	1.867.320	532.680	-	-	-			
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-	-	-	-			
VII	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-	-	25.379.383	23.306.498	2.072.885			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	7.377.332	7.377.332	-	4.939.619	4.918.552	21.067	66,96%	66,67%	
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-	-	-	-			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	7.377.332	7.377.332	-	4.939.619	4.918.552	21.067	66,96%	66,67%	
1	Vốn ngoài nước	4.095.202	4.095.202	-	4.052.943	4.052.943	-	98,97%	98,97%	

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)		
			Ngân sách Thành phố	Ngân sách huyện		Ngân sách Thành phố	Ngân sách huyện	Ngân sách địa phương	Ngân sách Thành phố	Ngân sách huyện
	Trong đó: + Chi đầu tư các dự án từ nguồn vốn ngoài nước	4.034.202	4.034.202	-	4.001.039	4.001.039	-	99,18%	99,18%	
	+ Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (vốn sự nghiệp)	61.000	61.000	-	48.996	48.996	-	80,32%	80,32%	
	+ Dự án hỗ trợ giảm nghèo đa chiều tại khu vực đô thị TPHCM (vốn sự nghiệp)	-	-	-	2.166	2.166	-			
	+ Dự án tăng cường năng lực tổng thể ngành thanh tra	-	-	-	742	742	-			
2	Vốn trong nước	3.282.130	3.282.130	-	886.676	865.609	21.067	27,02%	26,37%	
	Trong đó: + Chi đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	3.282.130	3.282.130	-	631.820	631.820	-	19,25%	19,25%	
	+ Chi Chương trình mục tiêu và một số chương trình, nhiệm vụ khác	-	-	-	254.856	233.789	21.067			
C	Chi trả ngân sách trung ương					37.426				